

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

- Bản án số: 23b/2022/DS - ST
- Ngày: 25- 4 - 2022
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản* "

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sễn** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 55/2020/TLST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2022; Thông báo đình chính Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/TBTA - ĐC, ngày 05/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-DS, ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đinh Thanh M**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Kinh 5 A, xã Tân H A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Minh có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh Ph (Nguyễn Thanh Úc)**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Mong T A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Ph vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đinh Thanh Mi trình bày:

Vào năm 2017 và 2018 ông có bán vật tư nông nghiệp cho ông Nguyễn Thanh Ph sau nhiều lần mua bán thì ông Ph còn nợ ông số tiền là 64.000.000đ và ông Ph có làm biên nhận đồng thời ông Ph hứa mỗi tháng sẽ trả cho ông 5.000.000đ, tuy nhiên ông Ph chỉ thanh toán cho ông được 01 tháng thì ngưng cho đến nay nên số tiền ông Ph còn nợ lại ông là 59.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2021 ông yêu cầu Tòa án buộc ông Ph phải có trách nhiệm trả cho ông tổng số tiền còn nợ là 64.000.000đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông và ông Ph đã chốt nợ lại nên số tiền ông Ph còn nợ lại ông là 59.000.000đ. Do đó, ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 5.000.0000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông và cam kết không khiếu nại về sau.

Ông Ph xác nhận đối với số tiền 59.000.000đ này ông chỉ yêu cầu cá nhân ông Ph có trách nhiệm thanh toán ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Đinh Thanh M yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh Ph phải có trách nhiệm trả cho ông tiền vật tư nông nghiệp còn nợ lại là 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2022 và Biên bản hòa giải ngày 25/03/2022 bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph trình bày: Ông Ph thừa nhận ông có mua vật tư nông nghiệp của ông Đinh Văn M nhiều lần với tổng số tiền là 64.000.000đ và ông có làm biên nhận nợ số tiền này với ông M đồng thời ông cam kết mỗi tháng ông sẽ thanh toán cho ông M 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ, tuy nhiên ông chỉ trả cho ông Minh được 01 lần 5.000.000đ thì ngưng cho đến nay. Do đó, số tiền ông còn nợ lại ông M là 59.000.000đ, ông đồng ý trả ông M số tiền này nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 500.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 203 đúng Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Thanh M buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph thanh toán số nợ mua vật tư nông nghiệp cho nguyên đơn số tiền là 59.000.000 (Năm mươi chín triệu đồng).

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền thụ lý: Nguyên đơn ông Đinh Thanh M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph phải trả cho ông số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu 59.000.000 (Năm mươi chín triệu đồng) nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thạnh An, xã Mong T A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Thanh Ph phải trả cho ông Minh số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu 59.000.000 (Năm mươi chín triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử ông Minh đã cung cấp cho Tòa án 01 sổ bán hàng và 01 biên nhận nợ đề ngày 30-6-2018. Thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phong cũng thừa nhận nợ và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa, ông Minh trình bày khoản tiền mà ông Phong còn thiếu ông là nợ riêng của ông, và ông

chỉ yêu cầu ông Ph thanh toán. Cho nên chỉ buộc ông Ph có trách nhiệm thanh toán cho ông M số tiền nêu trên là phù hợp.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi dứt nợ, HĐXX xét thấy lời yêu cầu của ông Ph là không có cơ sở chấp nhận vì khi hai bên thực hiện việc mua bán là trên cơ sở tự nguyện và ông M đã giao tài sản đầy đủ cho ông Ph nên ông Ph phải có trách nhiệm thanh toán đủ tiền cho ông M. Mặt khác, từ khi ông Ph nợ tiền đến nay ông Minh đã tạo điều kiện cho ông Phong rất nhiều thời gian để thanh toán nhưng không có kết quả và tại phiên tòa hôm nay ông M cũng không thống nhất với ý kiến của ông Ph. Việc ông Ph kéo xin thêm thời gian trả nợ là nhằm trốn tránh, kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

Theo định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*" và tại khoản 1 và khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản"

Từ những nhận định nêu trên cần xử buộc ông Ph có nghĩa vụ trả tiền mua vật tư nông nghiệp cho ông M với tổng số tiền là 59.000.000 đồng, ông M không yêu cầu tính lãi suất.

Về cách thức ông Phong thanh toán tiền nợ nêu trên cho ông M như thế nào thì thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 5.000.000 đồng, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố

tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 5.000.000 đồng mà nguyên đơn xin rút là phù hợp theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $59.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 2.950.000 \text{ đồng}$.

Ông M không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Thanh M.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh Ph có trách nhiệm thanh toán cho ông Đinh Thanh M số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng), ông Minh không yêu cầu tính lãi.

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Thanh M đối với số tiền 5.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Ph phải có trách nhiệm nộp án phí số tiền là 2.950.000 đồng.

Ông Đinh Thanh Minh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Minh số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006692, ngày 22 ngày 10 tháng 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“ Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi , bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi , bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách

